

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST
Ngày: 29-08-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên.

2. Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCPNTVN.

Địa chỉ trụ sở: số 198 đường TQK, phường TLL, quận JK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ông Bùi Trần M- Giám đốc Ngân hàng TMCPNTVN – CNAG (văn bản ủy quyền số: 293/UQ-VCB- PC ngày 18/06/2018). Địa chỉ: số 30-32 đường HBT, phường M, thành phố LX, tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Xuân N, sinh năm 1960 – Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế DNTN số 1600745278 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 07 tháng 10 năm 2009 (đăng ký thay đổi lần 1).

Địa chỉ trụ sở: tổ 10, khóm ĐTA, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu của ông Nguyễn Xuân N: số 274/3 LTT, phường ML, thành phố LX, tỉnh AG.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: 40/10 quốc lộ 91, khóm TH, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/08/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn do ông Bùi Trần M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/04/2009 Ngân hàng TMCPNTVN – CNAG (gọi tắt là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009 với ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho vay 20.000.000.000đ, mục đích: Đầu tư trang trại nuôi cá sấu; thời hạn cho vay: 144 tháng kể từ ngày 01/04/2009 đến ngày 01/04/2021; lãi suất cho vay: 10,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 15,75%/năm. Về tiền lãi nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phương thức trả nợ vốn 1.000.000.000đ/năm từ năm 2010 đến 2016; từ 2017 đến 2021 trả 2.600.000.000đ/năm, trả tiền lãi theo định kỳ 6 tháng. Đối với hợp đồng này, tổng số tiền Doanh nghiệp Tư nhân GS còn nợ 14.910.281.845đ. Trong đó, số tiền vốn chưa trả 159.024.692đ, tiền lãi trong hạn 14.158.458.541đ, tiền lãi nợ quá hạn: 592.798.612đ.

Ngày 16/04/2010 Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 126/2010/NHCPNT.AG với Doanh nghiệp Tư nhân GS do ông Nguyễn Xuân N làm chủ. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho vay số tiền 5.000.000.000đ, mục đích: kinh doanh cá sấu; thời hạn cho vay: 11 tháng; từ ngày 16/04/2010 đến ngày 16/04/2011, lãi suất cho vay: 14%/năm, lãi suất nợ quá hạn: 21,25%/năm. Về tiền lãi nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Phương thức trả nợ vốn theo giấy nhận nợ, trả tiền lãi hàng tháng. Đối với hợp đồng này, bị đơn đã thanh toán dứt điểm nợ gốc 5.000.000.000đ vào ngày 27/12/2013. Tổng số tiền lãi còn nợ lại chưa thanh toán là 3.159.340.278đ, tiền lãi trong hạn 2.159.652.778đ, tiền lãi quá hạn 999.687.500đ.

Ngày 25/08/2010 Ngân hàng tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số: 286/2010/NHNT.AG với Doanh nghiệp Tư nhân GS. Theo hợp đồng, Ngân hàng cho vay số tiền 12.100.000.000đ và đến ngày 29/12/2010 ký hợp đồng sửa đổi bổ sung, điều chỉnh hạn mức cấp tín dụng từ 12.100.000.000đ lên 15.100.000.000đ, thực tế số tiền ông N ký nhận theo ba phụ lục của hợp đồng với số tiền tổng nhận là 9.415.000.000đ. Về tiền lãi nợ gốc quá hạn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Theo thỏa thuận hợp đồng, có ba phụ lục. Cụ thể:

1. Phụ lục số 01 hợp đồng cho vay theo hạn mức ngày 25/08/2010: Số tiền cho vay 6.000.000.000đ, nhận nợ 5.315.000.000đ, mục đích: Chăn nuôi baba; thời hạn cho vay: 09 tháng; từ ngày 25/08/2010 đến ngày 25/05/2011; bị đơn nhận nợ 7 lần với số tiền 5.315.000.000đ, lãi suất cho vay: 14% năm, lãi suất nợ quá hạn: 22,25 %/năm. Phương thức trả nợ vốn theo giấy nhận nợ, trả tiền lãi hàng tháng. Bị đơn đã tất nợ vốn ngày 27/12/2013.

2. Phụ lục số 02 hợp đồng cho vay từng lần ngày 13/10/2010: Số tiền cho vay 1.100.000.000đ, mục đích: Kinh doanh baba; thời hạn cho vay: 12 tháng; từ ngày 13/10/2010 đến ngày 13/10/2011; bị đơn nhận nợ 2 lần với số tiền 1.100.000.000đ, lãi suất cho vay: 14% năm, lãi suất nợ quá hạn: 22,25 %/năm. Phương thức trả nợ vốn theo giấy nhận nợ, trả tiền lãi hàng tháng. Bị đơn đã tất nợ vốn ngày 18/10/2012.

3. Phụ lục số 03 hợp đồng cho vay từng lần ngày 29/12/2010: Số tiền cho vay 3.000.000.000đ, mục đích: Kinh doanh baba; thời hạn cho vay: 12 tháng; từ ngày 29/12/2010 đến ngày 29/12/2011; bị đơn nhận nợ 3 lần với số tiền 3.000.000.000đ, lãi suất cho vay: 14% năm, lãi suất nợ quá hạn: 22,25 %/năm. Phương thức trả nợ vốn theo giấy nhận nợ, trả tiền lãi hàng tháng. Bị đơn đã tất nợ vốn ngày 27/12/2013, 10/11/2014.

Tổng số tiền lãi còn nợ lại chưa thanh toán là 5.201.519.575đ, tổng tiền lãi trong hạn 3.872.838.397đ, tiền lãi quá hạn 1.328.681.178đ.

Như vậy, tổng số tiền nợ vốn của hai hợp đồng 126/2010/NHCPNT.AG ngày 16/04/2010 và hợp đồng tín dụng số: 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010 không còn, chỉ nợ tiền lãi tổng cộng là 8.360.859.853đ. Riêng hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG số tiền nợ gốc 159.024.692đ và nợ tiền lãi 14.751.257.153đ, tổng tiền vốn và tiền lãi 14.910.281.845đ.

Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Xuân N đã thế chấp các tài sản là mười bốn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, trong thời gian thực hiện hợp đồng có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ngân hàng và ông N thống nhất giao cho ông N chuyển nhượng để thu hồi nợ vốn đối với phần diện tích đất 52m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01559, ngày 20/11/2001, đất tọa lạc tại đường Lý Thái Tổ, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 00595.Ag ngày 30/12/2003 và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5001090459 ngày 20/10/20014, phần diện tích đất 1.837,8m²; đất tọa lạc tại Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, các giấy chứng nhận đều do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp cho ông Nguyễn Xuân N và bà Lý Thị Kim X.

Đối với mười hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N ủy quyền cho Ngân hàng bán thu nợ vốn thông qua Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh An Giang theo thông báo bán đấu giá số 237/TTBĐGTS ngày 07/11/2014, số 214/TTBĐGTS 18/08/2016. Cụ thể các giấy chứng nhận bao gồm:

01/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00484/QSDĐ/Ag ngày 20/11/2001 do UBND tỉnh An Giang cấp mang tên Nguyễn Xuân N.

02/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002477/QSDĐ/Ag ngày 19/11/1993 do UBND thị xã Long Xuyên (nay là thành phố Long Xuyên), tỉnh An Giang cấp mang tên Nguyễn Xuân N.

03/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00970iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

04/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00971iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

05/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00972iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

06/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00973iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

07/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00974iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

08/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00975iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

09/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00976iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

10/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00977iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

11/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00978iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

12/ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số H.00979iA do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 04 tháng 06 năm 2009 mang tên ông Nguyễn Xuân N.

Số tiền bán đấu giá 19.650.000.000đ, trừ các khoản lệ phí, số tiền nộp các khoản thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên Ngân hàng thu nợ 19.163.668.600đ và thu nợ thêm số tiền của việc chuyển nhượng hai phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông N đã tắt toán. Do đó, tổng số tiền cho vay của ba hợp đồng tín dụng là 34.415.000.000đ, thu hồi số tiền nợ vốn 34.255.975.308đ. Do đó, số tiền vốn còn lại 159.024.692đ. Tổng số tiền nợ lãi hiện nay còn lại của ba hợp đồng tín dụng là 23.112.117.006đ, tiền lãi trong hạn 20.190.949.716đ, tiền lãi quá hạn: 2.921.167.290đ.

Do ông Nguyễn Xuân N vi phạm hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Xuân N chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS trả cho Ngân hàng TMCPNTVN - Do Ngân hàng TMCPNTVN-CNAG đại diện nhận toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày xét xử là 23.271.141.698đ. Trong đó, số tiền nợ gốc 159.024.692 đồng, tổng số nợ tiền lãi trong hạn, quá hạn 14.751.257.153đ, và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng; yêu cầu trả tổng số tiền nợ lãi trong hạn và quá hạn của Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 126/2010/NHTMCPNT.AG ngày 16/04/2010 và Hợp đồng tín dụng số: 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010, hợp đồng sửa đổi bổ sung, đính kèm hợp đồng tín dụng số: 286/2010/NHNT.AG ngày 29/12/2010 và các hợp đồng cho vay theo hạn mức phụ lục 01/CV ngày 25/08/2010, Hợp đồng cho vay từng lần phụ lục 02/CV ngày 13/10/2010, hợp đồng cho vay từng lần phụ lục 03/CV ngày 29/12/2010 là 8.360.859.853đ.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Xuân N vắng mặt không có lý do, không ý kiến trình bày, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Ngân hàng không thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Xuân N chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS, yêu cầu trả tổng số tiền nợ vốn, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn với số tiền 23.271.141.698đ, tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009 đến khi bị đơn trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Long Xuyên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự theo khoản 2, 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn khởi kiện ông Nguyễn Xuân N chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng theo khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Từ ngày 01/04/2009 Ngân hàng có ký hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Xuân N cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009, số tiền cho vay 20.000.000.000đ, mục đích vay đầu tư trang trại nuôi cá sấu, thời hạn 144 tháng, lãi suất điều

chính theo thông báo của Ngân hàng, phụ lục hợp đồng. Trong quá trình vay, ông N thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ngân hàng tại các hợp đồng thế chấp số 135/2009/VCB AG ngày 13/04/2009, số 160/2009VCB AG ngày 18/04/2009, số 267/2009/VCB AG ngày 29/06/2009. Thế chấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông N, bà Xoàn đứng tên. Tổng số tiền của các hợp đồng cho vay là 35.100.000.000đ. Tổng số tiền ông N chưa thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 18/04/2019 là 23.265.075.789đ, nợ gốc 159.024.692đ, nợ lãi 23.106.051.097đ.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập thể hiện Ngân hàng và Doanh nghiệp Tư nhân GS do ông Nguyễn Xuân Nlâm đại diện có ký tên nhận tiền theo các hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG, 126/2010/NHTMCPNT.AG ngày 16/04/2010 và Hợp đồng tín dụng số: 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010. Tổng số tiền cho vay 35.100.000.000đ. Do ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng kiện yêu cầu ông N trả nợ vốn, lãi 23.265.075.789đ, đồng và tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ chấp nhận.

Theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Xuân N ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn tại Ngân hàng TMCPNTVN - CNAG có bà Lý Thị Kim X cùng đứng tên trong giấy chứng nhận với ông N. Tuy nhiên, không cần thiết đưa bà X tham gia tố tụng vì các tài sản thế chấp bảo đảm đã thỏa thuận bán qua Trung tâm Dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh An Giang và hai tài sản hai bên thương lượng thỏa thuận cho ông N chuyển nhượng tài sản để thu hồi nợ nên không cần thiết phải đưa bà Xoàn tham gia vụ án là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngân hàng TMCPNTVN ủy quyền cho ông Nguyễn Tấn T - Trưởng phòng khách hàng thuộc Ngân hàng TMCPNTVN-Chi nhánh An Giang, theo giấy ủy quyền số 27/UQ-AGI-HCNS ngày 05/04/2019 của Giám đốc Ngân hàng TMCPNTVN-CNAG. Tại phiên tòa ông Bùi Trần M- Giám đốc Ngân hàng TMCPNTVN – CNAG. Theo giấy ủy quyền số 293/UQ-VCB-PC ngày 18/06/2018 do Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCPNTVN ký rút lại yêu cầu ủy quyền đối với ông Nguyễn Tấn T. Việc ủy quyền và rút lại người đại diện theo ủy quyền phù hợp quy định tại Điều 581, Điều 582 và Điều 569 Bộ Luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCPNTVN tranh chấp về số tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009, duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu trả tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số: 126/2010/NHTMCPNT.AG ngày 16/04/2010 và Hợp đồng tín dụng số: 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010. Xét, tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh, có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang đã được thể hiện theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

Tòa án nhân dân Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Xét các hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009, số 126/2010/NHTMCPNT.AG ngày 16/04/2010 và số 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010 thấy: Ông Nguyễn Xuân N chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS là người ký tên vay với tư cách là bên vay vốn của Ngân hàng, ông N đã ký nhận đủ tổng số tiền 34.415.000.000đ đồng. Việc ký kết hợp đồng, giao nhận tiền giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 121, 122, 124 Bộ luật dân sự năm 2005 và phù hợp Điều 90, 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tại phiên tòa. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009 giữa Ngân hàng và Doanh nghiệp tư nhân GS do ông Nguyễn Xuân N đại diện theo pháp luật thỏa thuận ký hợp đồng tín dụng cho Doanh nghiệp tư nhân GS vay số tiền 20.000.000.000đ, ông N đã ký tên nhận số tiền 20.000.000.000đ theo giấy nhận nợ số 01 ngày 14/04/2009. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đã trả một phần số tiền vốn nên còn lại số tiền 159.024.692đ, tiền nợ lãi trong hạn 14.158.458.541; lãi quá hạn 592.798.612đ. Ông N chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn, lãi theo thỏa thuận là vi phạm điều 3 của hợp đồng tín dụng. Vậy, tính đến ngày xét xử tổng tiền vốn, tiền lãi trong hạn, quá hạn ông N còn phải trả tổng cộng là 14.751.257.153đ.

[5.1] Đối với hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 126/2010/NHTMCPNT.AG ngày 16/04/2010, số tiền cho vay 5.000.000.000đ. Ông N đã trả nợ vốn 5.000.000.000đ vào ngày 27/12/2013. Số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn chưa thanh toán tổng cộng 3.159.340.278đ là vi phạm điều 8 của hợp đồng tín dụng.

[5.2] Đối với hợp đồng tín dụng số 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010 Ngân hàng cho ông N vay nhiều lần tổng cộng 9.415.000.000đ, ông N đã trả xong số tiền nợ vốn vào các ngày 18/10/2012, 27/12/2013, 10/11/2014. Còn nợ tiền lãi trong hạn, quá hạn chưa thanh toán tổng cộng là 5.201.519.575đ là vi phạm điều 6 của hợp đồng tín dụng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông Nguyễn Xuân N- Chủ doanh nghiệp tư nhân GS trả tiền nợ vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009, trả tiền nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 126/2010/NHTMCPNT.AG ngày 16/04/2010 và số 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010 là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất giữa các bên gồm 05 hợp đồng thế chấp các số: 135/2009/VCB-AG ngày 13/04/2009; số 160/2009/VCB AG ngày 18/04/2009, 244/2010/VCB AG ngày 13/10/2010, 335/2010/VCB AG ngày 29/12/2010, 267/2009/VCB AG ngày 29/06/2009. Giữa Ngân hàng và ông N đã thỏa thuận thống nhất bán toàn bộ tài sản để thu hồi nợ vốn nên không yêu cầu giải quyết, không xét đến.

[07] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS phải nộp tiền án phí sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp về kinh doanh. Ngân hàng không phải nộp tiền án phí sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 121, Điều 122, Điều 124 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 562, Điều 563, Điều 529 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 147, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 233, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán TANDTC;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

-Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCPNTVN đối với ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS.

Buộc ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS thanh toán cho Ngân hàng TMCPNTVN – Do Ngân hàng TMCPNTVN – CNAG đại diện nhận số tiền 14.910.281.845đ. Trong đó, tiền vốn: 159.024.692đ. Tiền lãi trong hạn là 14.158.458.541đ, tiền lãi quá hạn là 592.798.612đ. (theo hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009).

Buộc ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS thanh toán cho Ngân hàng TMCPNTVN – Do Ngân hàng TMCPNTVN – CNAG đại diện nhận tổng số tiền lãi 8.360.859.853đ (tám tỷ, ba trăm sáu mươi triệu, tám trăm năm mươi chín ngàn, tám trăm năm mươi ba đồng) (theo hợp đồng tín dụng 126/2010/NHTMCPNT.AG ngày 16/04/2010 và Hợp đồng tín dụng số: 286/2010/NHNT.AG ngày 25/08/2010. Kèm theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức (đính kèm hợp đồng tín dụng số 286/2010/NHNT.AG) ngày 25/08/2019; Hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm hợp đồng tín dụng số 286/2010/NHNT.AG) ngày 13/10/2010; Hợp đồng cho vay từng lần (đính kèm hợp đồng tín dụng số 286/2010/NHNT.AG) ngày 29/12/2010 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung (đính kèm hợp đồng tín dụng số 286/2010/NHNT.AG) ngày 29/12/2010).

Tổng số tiền ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS thanh toán cho Ngân hàng TMCPNTVN – Do Ngân hàng TMCPNTVN – CNAG đại diện nhận số tiền 23.271.141.698đ (Hai mươi ba tỷ, hai trăm bảy mươi một triệu, một trăm mười bốn ngàn, sáu trăm chín mươi tám đồng).

Tiếp tục duy trì lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 38/2009/NHTMCPNT.AG ngày 01/04/2009 cho đến khi ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS thanh toán cho Ngân hàng TMCPNTVN – Do Ngân hàng TMCPNTVN – CNAG đại diện nhận.

Kể từ ngày 30 tháng 08 năm 2019, ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí sơ thẩm: Trả lại cho Ngân hàng TMCPNTVN - Do Ngân hàng TMCPNTVN - CNAG đại diện nhận số tiền 65.627.000đ (sáu mươi lăm triệu, sáu trăm, hai mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010554 ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS phải chịu số tiền 131.271.142đ (một trăm ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi một ngàn, một trăm bốn mươi hai đồng).

Ngân hàng TMCPNTVN được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của ông Ông Nguyễn Xuân N- Chủ Doanh nghiệp Tư nhân GS.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.Long Xuyên;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

Trần Văn Phương